

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST
Ngày 16-9-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trí

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 690/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mai P; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 3/129 Vạn Kiếp, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Số 505B Quán Nam, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Cao Xuân M; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 4/24/418 M, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành án tại Đội 24, Phân trại số 2 Trại giam Q, thôn V, xã T, huyện H, tỉnh Q; có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 4 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai P trình bày: Chị và anh

Cao Xuân M xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, quận L, Hải Phòng vào ngày 02/3/2004.

Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hòa hợp, không có sự tôn trọng lẫn nhau dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã không khí gia đình căng thẳng, nặng nề. Đến năm 2009 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên hai bên đã tự sống ly thân nhau mỗi người một nơi. Đến tháng 3/2020 anh M vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 13 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, sau đó anh M phải đi chấp hành án tại Đội 24 phân trại số 2 Trại giam Q, thôn V, xã T, huyện H, tỉnh Q. Đến nay chị P xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị không còn tình cảm với anh M, vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao Xuân M.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Cao Xuân M sinh ngày 14/4/200x và Cao Thành Đ, sinh ngày 06/02/200y. Ly hôn chị P đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị nuôi dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con giữa chị và anh M.

Về tài sản chung: Chị P trình bày chị và anh M không có tài sản chung với nhau nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh M trình bày: Anh và chị P xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, quận L, thành phố Hải Phòng vào năm 2004. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do kinh tế gia đình không ổn định và chịu ảnh hưởng nhiều về sự can thiệp của hai bên gia đình. Giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã, xô xát. Cuối năm 2009 chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, hai bên sống ly thân nhau từ đó. Đến năm 2020 anh M vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án với thời gian là 13 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” do vậy tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đến nay chị P xin ly hôn anh cũng đồng ý và đề nghị Tòa án nhân dân quận Lê Chân giải quyết cho anh được ly hôn với chị P.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Cao Xuân M, sinh ngày 14/4/200x và Cao Thành Đy, sinh ngày 06/02/200y, ly hôn do anh M đang chấp hành án phạt tù nên đồng ý giao cả hai con cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh M trình bày hiện nay đang chấp hành án nên không có điều kiện để thực hiện.

Về tài sản chung: Anh M khẳng định giữa anh và chị P không có tài sản chung.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành làm việc với đại diện chính quyền địa P nơi chị P và anh M chung sống trước đây thể hiện: Chị P và anh M xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, quận L, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã căng thẳng. Đến tháng 3 năm 2020 anh M vi phạm pháp luật nên phải đi chấp hành án tại Trại giam. Nay chị P có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào mâu thuẫn của chị P và anh M cũng như các quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Chị P và anh M có 02 con chung là Cao Xuân M, sinh ngày 14/4/200x và Cao Thành Đ sinh ngày 06/02/200y. Hiện nay các cháu đnag ở cùng với mẹ, nên đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết

Về tài sản chung của chị P và anh M: Đại diện chính quyền địa P không có ý kiến gì vì đây là vấn đề cá nhân, riêng tư.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, điều 71 và điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị P và anh M lấy nhau có đăng ký kết hôn vì vậy là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX cần xử cho chị P được ly hôn anh M theo quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng chị P có 02 con chung là Cao Xuân M, sinh ngày 14/4/200x và Cao Thành Đ, sinh ngày 06/02/200y, chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con, anh M do hiện đang chấp hành án không có điều kiện chăm sóc các con nên cũng có quan điểm giao cả hai con cho chị P nuôi dưỡng. Cả hai cháu đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình giao cả hai con cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con giữa chị P và anh M.

Về tài sản chung: Chị P và anh M cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện xin ly hôn thì bị đơn anh Cao Xuân M, sinh năm 1983; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 4/24/418 X, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành án tại Đội 24 Phân trại số 2, Trại giam Q, thôn V, xã T, huyện H, tỉnh Q. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn anh Cao Xuân M vắng mặt nhưng có đề nghị xin xét xử vắng mặt, do vậy HĐXX căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Cao Xuân M.

- Về hôn nhân:

[3] Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Mai P và anh Cao Xuân M tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên đều xác nhận là vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, giữa hai bên không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm, chia sẻ cùng nhau, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị P và anh M trên thực tế đã không còn, mâu thuẫn thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bởi vậy yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mai P được ly hôn với anh Cao Xuân M là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Chị P và anh M có 02 con chung là Cao Xuân M, sinh ngày 14/4/200x và Cao Thành Đ, sinh ngày 06/02/200y. Khi ly hôn chị P có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, anh M hiện đang chấp hành án tại trại giam Q nên không có điều kiện nuôi dưỡng các con nên anh cũng có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị P nuôi dưỡng. Hơn nữa cả hai con chung của anh chị cũng mong muốn được sống cùng với mẹ. Vì vậy HĐXX xét thấy việc giao cả hai con chung cho chị P nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp với điều kiện thực tế, cũng như nguyện vọng của hai cháu và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P và anh M không yêu cầu. Do vậy HĐXX không đặt ra vấn đề giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mai P và anh Cao Xuân M đều khẳng định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không đặt ra vấn đề giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mai P và anh Cao Xuân M.

2. Về nuôi con chung: Giao cả hai con chung Cao Xuân M, sinh ngày 14/4/200x và Cao Thành Đ, sinh ngày 06/02/200y cho chị Nguyễn Thị Mai P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên chị P đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0014465 ngày 14 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Mai P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Cao Xuân M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- UBND phường Dư Hàng Kênh,,quận Lê Chân,
Hải Phòng (GCNKH 02/3/2004);
- Chi cục thi hành án dân sự quận Lê Chân;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hải Yến